NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC TRỰC TUYẾN TRONG KỶ NGUYÊN SỐ CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Nguyễn Đức Huân
Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: huannd@tdmu.edu.vn

Tóm tắt: *Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, giáo dục đại học đang chứng kiến sự thay đổi sâu sắc về phương thức dạy và học, trong đó học trực tuyến trở thành xu thế tất yếu. Năng lực tự học trực tuyến vì vậy giữ vai trò trung tâm trong quá trình học tập đối với sinh viên (SV). Bài viết dựa trên cơ sở lý luận về tự học và học tập trong môi trường số, đồng thời khảo sát thực trạng năng lực tự học trực tuyến của SV ngành Giáo dục học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Kết quả nghiên cứu cho thấy SV ngành Giáo dục học còn hạn chế về kỹ năng quản lý thời gian, khai thác học liệu số và tự đánh giá quá trình học tập. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học trực tuyến như nâng cao nhận thức, đổi mới phương pháp giảng dạy, phát triển môi trường học tập số và tăng cường hỗ trợ, đánh giá hoạt động tự học.*

Từ khóa*: tự học trực tuyến, năng lực tự học, chuyển đổi số, sinh viên, giáo dục học.*

ENHANCING ONLINE SELF-LEARNING COMPETENCE IN THE DIGITAL ERA FOR STUDENTS OF EDUCATION MAJORS AT THU DAU MOT UNIVERSITY

Abstract: *In the context of rapid digital transformation, higher education has been undergoing profound changes in teaching and learning approaches, in which online learning has become an inevitable trend. Accordingly, online self-learning competence plays a main role in students' learning processes. This study is grounded in theoretical perspectives on self-learning and learning in digital environments, while also examining the current state of online self-learning competence among education majors at Thu Dau Mot University.*

The findings indicate that students still face significant limitations in time management skills, the ability to exploit digital learning resources, and self-assessment of their learning processes. Based on these findings, the study proposes several solutions to enhance online self-learning competence, including raising students' awareness, innovating teaching methods, developing digital learning environments, and strengthening support and assessment of self-learning activities
.

Keywords*: online self-learning, self-learning competence, digital transformation, students, education majors.*

Nhận bài: 10/03/2026 Phản biện: 11/04/2026 Duyệt đăng: 16/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông đã làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức dạy học trong giáo dục đại học. Học trực tuyến không còn là giải pháp mang tính tình thế mà đã trở thành một thành tố quan trọng trong hệ sinh thái giáo dục hiện đại, góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức và thúc đẩy học tập suốt đời (Anderson, 2008; Moore & Kearsley, 2012). Sự chuyển dịch này đòi hỏi người học phải chuyển từ vai trò tiếp nhận thụ động sang chủ thể tích cực, tự chủ trong quá trình học tập, đặc biệt là trong môi trường học tập số.

Đối với SV ngành Giáo dục học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, năng lực tự học trực tuyến không chỉ có ý nghĩa trong việc nâng cao hiệu quả học tập hiện tại mà còn là yêu cầu thiết yếu đối với nghề nghiệp trong tương lai. Trong bối cảnh giáo dục phổ thông và đại học đang đẩy mạnh chuyển đổi số, người giáo viên cần có khả năng tổ chức, hướng dẫn và tự học trong môi trường trực tuyến. Do đó, việc hình thành và phát triển năng lực tự học trực tuyến cho SV sư phạm có ý nghĩa chiến lược đối với chất lượng đào tạo nguồn nhân lực giáo dục (Nguyễn Minh Hòa, 2025).

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy nhiều SV vẫn chưa thích nghi hiệu quả với môi trường học tập trực tuyến. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng SV còn hạn chế trong kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch học tập và tự đánh giá kết quả học tập; đồng thời vẫn phụ thuộc nhiều vào giảng viên và thiếu tính chủ động trong học tập (Nguyễn Phương Nam, 2023; Cù Thị Ánh Tuyết, Võ Thị Thanh Nhàn, & Hồ Ngọc Thanh Khiết, 2023). Những hạn chế này phản ánh sự thiếu hụt năng lực tự học – yếu tố được xem là cốt lõi của quá trình học tập ở bậc đại học (Nguyễn Cảnh Toàn, 1999).

Bên cạnh đó, theo lý thuyết về tự điều chỉnh học tập, người học hiệu quả cần có khả năng lập kế hoạch, giám sát và đánh giá hoạt động học của bản thân (Zimmerman, 2002). Tuy nhiên, trong môi trường học trực tuyến, các kỹ năng này càng trở nên quan trọng nhưng lại chưa được hình thành đầy đủ ở nhiều SV. Điều này đặt ra yêu cầu

cấp thiết phải nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học trực tuyến cho SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Trong khoa học giáo dục, tự học được xem là một trong những năng lực cốt lõi của người học, phản ánh khả năng chủ động chiếm lĩnh tri thức và phát triển năng lực cá nhân. Theo quan điểm của Nguyễn Cảnh Toàn (1999), tự học là quá trình người học tự giác, tích cực và độc lập trong việc tìm kiếm, lĩnh hội và vận dụng tri thức. Tương tự, Đặng Vũ Hoạt và Hà Thị Đức (2004) cho rằng tự học là hình thức học tập cơ bản ở bậc đại học, trong đó người học giữ vai trò trung tâm của quá trình nhận thức.

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, khái niệm tự học được mở rộng thành tự học trực tuyến, gắn với việc sử dụng công nghệ số để tổ chức và thực hiện hoạt động học tập. Theo Anderson (2008), học trực tuyến tạo ra môi trường học tập linh hoạt, trong đó người học có thể chủ động tiếp cận tri thức thông qua nhiều nguồn tài nguyên số khác nhau. Điều này làm gia tăng vai trò của người học như một chủ thể tự điều chỉnh, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực tự học.

Dưới góc độ lý thuyết tự điều chỉnh học tập, Zimmerman (2002) nhấn mạnh rằng tự học là một quá trình bao gồm ba giai đoạn: lập kế hoạch, thực hiện và tự đánh giá. Trong môi trường học trực tuyến, các giai đoạn này được thực hiện thông qua việc sử dụng các công cụ số và nền tảng học tập trực tuyến, đòi hỏi người học phải có khả năng kiểm soát và điều chỉnh hoạt động học của bản thân một cách hiệu quả.

Trên cơ sở đó, năng lực tự học trực tuyến có thể được cấu thành từ các thành tố cơ bản sau: (1) Năng lực công nghệ số: Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, công cụ số và tài nguyên học liệu điện tử phục vụ học tập (Nguyễn Minh Hòa, 2025); (2) Năng lực quản lý học tập cá nhân: Thực hiện được việc lập kế hoạch, quản lý thời gian và duy trì động cơ học tập trong môi trường không có sự giám sát trực tiếp; (3) Năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin: Khai thác, đánh giá và sử dụng hiệu quả các nguồn thông tin số (Moore & Kearsley, 2012); (4) Năng lực tự đánh giá và điều chỉnh: Thực hiện được tự kiểm tra và điều chỉnh chiến lược học tập nhằm đạt mục tiêu đề ra (Zimmerman, 2002).

Như vậy, năng lực tự học trực tuyến không chỉ là sự kế thừa của năng lực tự học truyền thống mà còn là sự tích hợp giữa năng lực học tập và năng lực số. Quan điểm "lấy tự học làm cốt" trong giáo dục vẫn giữ nguyên giá trị (Nguyễn Cảnh Toàn, 1999), nhưng trong kỷ nguyên số, tự học còn gắn chặt với yêu cầu phát triển năng lực số và năng lực học tập suốt đời. Điều này phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học, nơi người học cần liên tục cập nhật tri thức và thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và xã hội.

2.2. Thực trạng năng lực tự học trực tuyến của sinh viên ngành Giáo dục học

Để đánh giá thực trạng năng lực tự học trực tuyến, nghiên cứu tiến hành khảo sát 225 SV ngành Giáo dục học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một thông qua bảng hỏi với các tiêu chí phản ánh các thành tố của năng lực tự học trực tuyến, kết quả như sau:

Bảng 1. *Kết quả khảo sát năng lực tự học trực tuyến của SV ngành Giáo dục học*

TT	Kỹ năng tự học trực tuyến	Thường xuyên (%)	Đôi khi (%)	Không bao giờ (%)
1	Lập kế hoạch học trực tuyến	12	38	50
2	Tham gia đầy đủ lớp học online	85	10	5
3	Tìm kiếm tài liệu học tập số	25	45	30
4	Ghi chú và hệ thống hóa kiến thức	18	60	22
5	Tự đánh giá kết quả học tập	10	35	55
6	Sử dụng hệ thống LMS hiệu quả	32	48	20
7	Tham gia thảo luận trực tuyến	23	47	30
8	Quản lý thời gian học trực tuyến	18	40	42
9	Tự học qua nền tảng mở (MOOC, video)	27	50	23
10	Sử dụng công cụ số hỗ trợ học tập	20	46	34

Kết quả khảo sát cho thấy SV có xu hướng tham gia đầy đủ các hoạt động học tập trực tuyến mang tính bắt buộc, thể hiện qua tỷ lệ 85% SV thường xuyên tham gia lớp học trực tuyến, điều này phản ánh mức độ tuân thủ yêu cầu học tập khá cao của SV trong môi trường số. Tuy nhiên, các kỹ năng mang tính tự chủ và tự điều chỉnh lại có tỷ lệ thực hiện thấp. Cụ thể, chỉ 12% SV thường xuyên lập kế hoạch học tập và 10% thường xuyên tự đánh giá kết quả học tập, trong khi tỷ lệ "không bao giờ" ở hai kỹ năng này lần lượt là 50% và 55%. Điều này cho thấy phần lớn SV chưa hình thành được năng lực tự điều chỉnh học tập, đây là yếu tố cốt lõi trong mô hình tự học hiệu quả.

Bên cạnh đó, kỹ năng quản lý thời gian cũng là một điểm yếu đáng chú ý, với 42% SV cho biết không bao giờ thực hiện. Điều này phản ánh sự thiếu hụt trong năng lực tổ chức hoạt động học tập cá nhân, dẫn đến việc học tập mang tính đối phó, tập trung vào thời điểm kiểm tra hoặc thi cử. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước đây khi cho rằng SV Việt Nam còn thiếu kỹ năng học tập độc lập và chưa thích nghi tốt với môi trường học trực tuyến (Nguyễn Phương Nam, 2023).

Về năng lực công nghệ và khai thác học liệu số, mặc dù 32% SV thường xuyên sử dụng hệ thống LMS và 27% thường xuyên học qua các nền tảng mở, nhưng tỷ lệ này vẫn chưa cao so với yêu cầu của môi trường học tập số. Điều này cho thấy SV chưa khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên học tập trực tuyến, đồng thời còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ như một công cụ hỗ trợ học tập (Nguyễn Minh Hòa, 2025).

Ngoài ra, hoạt động tương tác học tập trực tuyến như thảo luận nhóm cũng chưa được thực hiện thường xuyên (23%), cho thấy môi trường học trực tuyến chưa thực sự phát huy được tính cộng tác, đây là một yếu tố quan trọng trong học tập hiện đại (Anderson, 2008).

Tóm lại, từ kết quả phân tích, có thể đưa ra một số đánh giá tổng quát về năng lực tự học trực tuyến của SV như sau: (1) SV có ý thức tham gia học tập nhưng thiếu tính chủ động: SV thực hiện tốt các hoạt động mang tính bắt buộc nhưng chưa chủ động trong việc tổ chức và điều chỉnh hoạt động học tập cá nhân. Điều này phản ánh sự chuyển đổi chưa hoàn toàn từ học tập thụ động sang học tập chủ động; (2) Năng lực tự điều chỉnh học tập còn hạn chế: Các kỹ năng như lập kế hoạch, tự đánh giá và quản lý thời gian đều có tỷ lệ thấp, cho thấy SV chưa hình thành đầy đủ năng lực tự học theo mô hình tự điều chỉnh; (3) Năng lực số phục vụ tự học chưa đáp ứng yêu cầu: Mặc dù SV đã tiếp cận với các nền tảng học trực tuyến, nhưng việc khai thác học liệu số và sử dụng công cụ công nghệ còn ở mức trung bình, chưa phát huy hết tiềm năng của môi trường học tập số; (4) Môi trường học tập trực tuyến chưa thực sự thúc đẩy tự học: Hoạt động tương tác và hỗ trợ học tập còn hạn chế, dẫn đến việc SV thiếu động lực và chưa phát triển được thói quen tự học bền vững; (5) Tồn tại khoảng cách giữa yêu cầu và năng lực thực tế: Trong khi kỷ nguyên số đòi hỏi người học phải có năng lực tự học cao và khả năng học tập suốt đời, thì thực tế cho thấy SV vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu này. Đây là thách thức lớn đối với các cơ sở đào tạo trong quá trình chuyển đổi số giáo dục.

Nghiên cứu đã khảo sát thời gian đầu tư cho tự học của 225 SV ngành Giáo dục học tại trường Đại học Thủ Dầu Một, kết quả như sau:

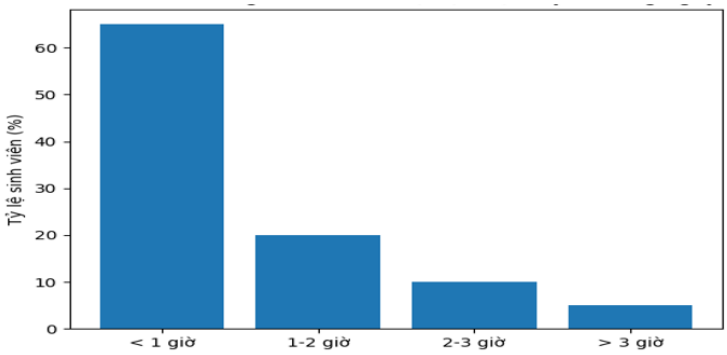

Biểu đồ 1. *Thời gian tự học trực tuyến của SV ngành Giáo dục học*

Biểu đồ 1 cho thấy phần lớn SV dành thời gian tự học trực tuyến dưới 1 giờ mỗi ngày (chiếm 65%). Tỷ lệ SV học từ 1–2 giờ chiếm 20%, từ 2–3 giờ chiếm 10% và trên 3 giờ chỉ chiếm 5%. Điều này cho thấy thời gian tự học trực tuyến của SV còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của đào tạo theo định hướng phát triển năng lực trong kỷ nguyên số.

Như vậy, thực trạng trên cho thấy việc nâng cao năng lực tự học trực tuyến cho SV là một yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi sự tác động đồng bộ từ phía nhà trường, giảng viên và bản thân người học.

2.3. Giải pháp nâng cao năng lực tự học trực tuyến trong kỷ nguyên số cho sinh viên ngành Giáo dục học tại trường Đại học Thủ Dầu Một

Thứ nhất, phát triển kỹ năng học tập trong môi trường số cho SV: Để khắc phục tình trạng thiếu kỹ năng học tập số, nhà trường cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng kỹ năng sử dụng công nghệ trong học tập như khai thác hệ thống LMS, tìm kiếm và đánh giá thông tin trên môi trường số, sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập (ghi chú số, quản lý tài liệu, ứng dụng học tập thông minh). Việc tích hợp nội dung "kỹ năng học tập số" vào các học phần kỹ năng mềm hoặc học phần nhập môn sẽ giúp SV hình thành nền tảng cần thiết ngay từ đầu khóa học. Theo Moore và Kearsley (2012), năng lực sử dụng công nghệ là điều kiện tiên quyết để người học tham gia hiệu quả vào môi trường học trực tuyến.

Thứ hai, hình thành và phát triển thói quen tự học cho SV: Để xây dựng thói quen tự học, cần thiết kế các hoạt động học tập theo hướng tăng cường tính chủ động của người học, như giao nhiệm vụ học tập trước giờ lên lớp, yêu cầu SV đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung thảo luận. Đồng thời, cần khuyến khích SV xây dựng kế hoạch học tập cá nhân và duy trì nhật ký học tập. Theo Nguyễn Cảnh Toàn (1999), tự học chỉ trở thành năng lực bền vững khi được hình thành thành thói quen thường xuyên. Việc tạo môi trường và cơ chế thúc đẩy tự học sẽ giúp SV chuyển từ học tập thụ động sang chủ động.

Thứ ba, tăng cường vai trò định hướng và hỗ trợ của giảng viên: Giảng viên cần chuyển từ vai trò truyền thụ kiến thức sang vai trò tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ học tập. Cụ thể, cần xây dựng kế hoạch hướng dẫn tự học rõ ràng cho từng học phần, cung cấp học liệu số đa dạng, đồng thời thường xuyên tương tác và phản hồi cho SV thông qua các nền tảng trực tuyến. Theo Anderson (2008), sự hiện diện sư phạm có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học trực tuyến và thúc đẩy năng lực tự học của người học. Việc tăng cường hỗ trợ sẽ giúp SV định hướng rõ ràng và nâng cao động lực học tập.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản lý thời gian và giảm áp lực học tập: Nhà trường cần tổ chức các khóa tập huấn về kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng tự học, giúp SV biết cách lập kế hoạch, phân bổ thời gian hợp lý giữa các học phần và hoạt động cá nhân. Bên cạnh đó, giảng viên cần thiết kế khối lượng học tập phù hợp, phân bổ nhiệm vụ học tập theo tiến trình thay vì dồn vào cuối kỳ. Theo Zimmerman (2002), quản lý thời gian là một thành tố quan trọng của năng lực tự điều chỉnh học tập, giúp người học duy trì sự ổn định và hiệu quả trong quá trình học tập.

Thứ năm, xây dựng môi trường học tập số hỗ trợ tự học: Nhà trường cần đầu tư phát triển hệ thống học tập trực tuyến đồng bộ, bao gồm LMS, thư viện số và các nguồn học liệu mở. Đồng thời, cần tạo môi trường học tập có tính tương tác cao thông qua diễn đàn học tập, nhóm học tập trực tuyến và các hoạt động cộng tác. Theo Nguyễn Minh Hòa (2025), môi trường học tập số đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số giáo dục và nâng cao năng lực tự học của SV. Một môi trường học tập thuận lợi sẽ tạo điều kiện để SV phát huy tối đa khả năng tự học và sáng tạo.

Như vậy, các giải pháp trên không chỉ giải quyết trực tiếp các nguyên nhân đã được xác định mà còn góp phần hình thành hệ sinh thái học tập số toàn diện, trong đó SV là trung tâm và chủ thể của quá trình học tập. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao năng lực tự học trực tuyến, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong kỷ nguyên số.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực tự học trực tuyến là yếu tố cốt lõi giúp SV thích ứng với kỷ nguyên số và phát triển năng lực nghề nghiệp trong tương lai. Bài viết đã làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực này cho SV ngành Giáo dục học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm phát triển toàn diện năng lực tự học trực tuyến, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thúc đẩy năng lực học tập suốt đời cho SV trong kỷ nguyên số. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ góp phần hình thành năng lực học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Anderson, T. (Ed.). (2008). *The theory and practice of online learning (2nd ed.)*. Athabasca University Press. https://www.aupress.ca/books/120146-the-theory-and-practice-of-online-learning/

Comenius, J. A. (1907). *The great didactic of John Amos Comenius (M. W. Keatinge, Trans.)*. Adam & Charles Black. https://archive.org/details/greatdidacticofj00comeuoft

Cù Thị Ánh Tuyết, Võ Thị Thanh Nhàn, & Hồ Ngọc Thanh Khiết. (2023). Thực trạng học tập bằng hình thức trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một trong và sau đại dịch COVID-19. *Tạp chí Khoa học Đại học Bình Dương.*

Hoàng Đức Bảo. (2023). *Giáo trình kỹ năng mềm.* Nhà xuất bản Đại học Huế.

Moore, M. G., & Kearsley, G. (2012). *Distance education: A systems view of online learning (3rd ed.)*. Wadsworth. https://books.google.com/books?id=Z3VQDwAAQBAJ

Nguyễn Cảnh Toàn. (1999). *Luận bàn và kinh nghiệm về tự học.* Nhà xuất bản Giáo dục.

Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Kỳ, Lê Khánh Bằng, & Vũ Văn Tảo. (2002). *Học và dạy cách học.* Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Nguyễn Minh Hòa. (2025). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Hà Nội.*

Nguyễn Phương Nam. (2023). Sự sẵn sàng tham gia các khóa học trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh giáo dục số. *Tạp chí Giáo dục,* 23(1), 59–64.

Oldster, K. J. (2016). *Dead toad scrolls. BookLocker.com.* https://www.booklocker.com/books/8576.html

Zimmerman, B. J. (2002). *Becoming a self-regulated learner: An overview.* Theory Into Practice, 41(2), 64–70. https://doi.org/10.1207/s15430421tip4102_2